TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2022/DS-ST
Ngày: 24 – 5 – 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thiết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Phi Hùng

2. Ông Sơn Mứt

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Tiếm – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên toà: Không tham gia.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2021/TLST-DS, ngày 03 tháng 02 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 39/2022/QĐST-DS, ngày 28/4/2022 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Ông Ngô Thành T, sinh năm 1989 – có mặt

Địa chỉ: số 186, đường N, phường Cái Vồn, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hà Văn Vĩnh, luật sư Văn phòng luật sư Hà Văn Vĩnh, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long-có mặt.

***Bị đơn*:** Bà Lê Thị Hằng G, sinh năm 1988 – có mặt

Địa chỉ: khóm 2, phường C, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Ung Thị Thúy A, sinh năm 1992 – vắng mặt

Địa chỉ: số 186, đường N, phường C, TX Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện ủy quyền bà Thúy A: Ông Ngô Thành T, sinh năm 1989. Địa chỉ: số 186, đường N, phường C, TX Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

2/Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1989 – xin vắng mặt

Địa chỉ: khóm 2, phường C, TX Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VU ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/01/2021, nguyên đơn ông Ngô Thành T trình bày:* Vào ngày 01/02/2019, ông với bà G có thoả thuận ông cho bà vay 500.000.000đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay là 04 tháng, có làm biên nhận với nội dung: Bà có nhận của ông số tiền: 500.000.000đồng, bà G có đưa cho ông 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN52665 được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 04/4/2018 để quản lý coi như thế chấp, không được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

Bà G có đóng lãi cho ông được số tiền: 118.276.000đồng. Do bà còn nợ Nhà nước số tiền: 55.968.000đồng tiền chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm thành đất ở đô thị từ ngày 24/4/2018 chưa thanh toán. Nên bà G yêu cầu ông cho vay thêm 60.000.000đồng để bà hoàn thành nghĩa vụ nộp tài chính cho Nhà nước trả tiền chuyển mục đích sử dụng đất để bà thế chấp vay ngân hàng có tiền lại cho ông. Được ông thoả thuận cho bà G vay thêm 60.000.000đồng vào ngày 10/5/2019 (có làm biên nhận). Hai bên thoả thuận miệng số tiền vay trước sau là 560.000.000đồng, không có thời hạn vay kể từ ngày 10/5/2019, lãi suất 2%/tháng cho đến khi bà G vay tiền của ngân hàng trả lãi và vốn cho ông một lần, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 238, tờ bản đồ số 23, diện tích 174,9m^2 đất trồng cây lâu năm (đã được chuyển mục đích sử dụng thành đất ở đô thị) được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 04/4/2018 cho ông Nguyễn Minh T, Lê Thị Hằng G đứng tên. Đến ngày 06/01/2021 ông T làm đơn khởi kiện bà G yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà phải trả cho ông T 02 khoản tiền vốn là: 560.000.000đồng (năm trăm sáu mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi lại với lãi suất 20%/năm (1.667%/tháng) theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự, được tính trên số vốn 02 lần vay:

+ Lãi tiền vay lần thứ nhất 500 triệu đồng được tính từ ngày 01/02/2019 đến ngày 01/12/2020 là 22 tháng x 1,667%/tháng bằng 183.370.000đồng. Ông Thái thừa nhận khoản vay này phía bà G đã đóng được tổng số tiền lãi là 118.726.000đồng, ông T sẽ khấu trừ vào số tiền lãi.

+ Lãi tiền vay lần thứ hai 60.000.000đồng được tính từ ngày 10/5/2019 đến ngày 10/12/2020 là 19 tháng X 1,667%/tháng bằng 19.003.800đồng.

Tiền vốn là: 560.000.000đồng và tiền lãi: 203.373.800đồng. Cộng chung vốn lãi là: 763.373.800đồng.

Qua hòa giải tại Tòa vào ngày 06/4/2021 thì bà G đã trả được cho ông T số tiền: 80.000.000đồng, trong đó trả vốn vay là 60.000.000đồng và trừ vào tiền lãi 20.000.000đồng, còn tiền lãi tính từ ngày 10/5/2019 đến ngày 06/4/2021 là 22 tháng 25 ngày (60.000.000đ x 1,667% x 22 tháng x 25 ngày = 22.837.900đồng). Vậy số tiền lãi của vốn 60.000.000đồng còn nợ lại số tiền 2.837.900đồng.

Đối với khoảng vay 500.000.000đồng tính từ ngày 01/02/2019 đến ngày 24/5/2022 là 39 tháng 23 ngày (500.000.000đồng x 39 tháng 23 ngày x 1,667% = 331.455.167đồng. Như vậy cộng chung vốn lãi là: 834.293.067đồng (831.455.167đ + 2.837.900đ – 118.726.000đ = 715.567.067đ). Trừ vào số tiền lãi mà ông T nhận của món vay lần 1 (500.000.000đồng) là 118.726.000đồng, còn lại số tiền vốn, lãi: 715.567.067đồng.

Nay ông T yêu cầu bà G trả cho ông số tiền vốn, lãi là: 715.567.067đồng (bảy trăm mười lăm triệu năm trăm sáu mươi bảy ngàn không trăm sáu mươi bảy đồng). Đồng ý tự nguyện trả lại cho bà G 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà đã đưa cho ông T giữa khi vay tiền.

* ***Bị đơn bà Lê Thị Hằng G trình bày***: Bà thống nhất với lời trình bày từ ông T, nay bà đồng ý trả số tiền vốn, lãi của món vay 500.000.000đồng là: 331.455.167đồng (tính từ ngày 01/02/2019 đến ngày 24/5/2022 là 39 tháng 23 ngày: 500.000.000đồng x 39 tháng 23 ngày x 1,667% = 331.455.167đồng). Vốn, lãi của món vay: 60.000.000đồng là: 22.837.900đồng (tính từ ngày 10/5/2019 đến ngày 06/4/2021 là 22 tháng 25 ngày: 60.000.000đ x 1,667% x 22 tháng x 25 ngày = 22.837.900đồng).

Tại buổi hòa giải tại Tòa vào ngày 06/4/2021 thì bà có trả được cho ông T số tiền 80.000.000đồng, trong đó trả vốn là 60.000.000đồng và tiền lãi 20.000.000đồng, như vậy còn nợ lại số tiền lãi 2.837.900đồng của món vay 60.000.000đồng. Ngoài ra sau khi hỏi vay tiền thì bà đã đóng lãi tháng cho ông T số tiền 1.330.000đồng được tổng số tiền lãi khoản 118.726.000đồng, bà yêu cầu ông T khấu trừ vào số tiền lãi.

Tại phiên Tòa; bà G đã trả cho ông T số tiền lãi của món vay

60.000.000đồng là 2.837.900đồng để dứt luôn phần này. Phía ông T đồng ý và nhận số tiền trên tại phiên Tòa. Bà G đồng ý trả số tiền vốn của món vay 500.000.000đồng và số tiền lãi 331.455.167đồng – 118.726.000đồng = 212.729.167đồng. Cộng vốn, lãi là: 712.729.167đồng (bảy trăm mười hai triệu bảy trăm hai mươi chính ngàn một trăm sáu mươi bảy đồng).

Như vay bà còn nợ lại ông T số tiền là 712.729.167đồng (715.567.067đ – 2.837.900đ = 712.729.167đồng) và đồng ý trả nhưng bà xin trả dần vì không có tiền trả một đợt. Ngoài ra, bà G yêu cầu ông T trả lại cho bà bản chính 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 238, tờ bản đồ số 23, diện tích 174,9m^2 đất trồng cây lâu năm, đất tại khóm 2, phường TP, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long, không có ý kiến gì thác.

- Ông Ngô Thành T đại diện cho bà Ung Thị Thúy A trình bày: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông .

- Tại văn bản ý kiến ngày 04/5/2021 của ông Nguyễn Minh T thể hiện: Việc vợ ông là bà Lê Thị Hằng G có vay mượn nợ của ông Ngô Thành T thì ông không hay biết, ông không có sử dụng số tiền vay đó, nên ông không đồng ý cùng trả với bà G. Đề nghị ông T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN352665 cho ông. Ngoài ra ông không có ý kiến gì khác và xin vắng mặt tại phiên Tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Do ông T và bà G đã thống nhất số tiền vốn, số tiền lãi, mức lãi suất và thời gian tính lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà G thanh toán cho ông T số tiền vốn, lãi còn lại là: 712.729.167đồng. Ghi nhận sự tự nguyên của ông T đồng ý trả lại cho bà G, ông T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 238, tờ bản đồ số 23, diện tích 174,9m^2 đất trồng cây lâu năm do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp, khi ông nhận đủ tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh đã thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ,

các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ vào khoản 2, Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

[2] Xét việc ông Nguyễn Minh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; nên xét xử vắng.

[3] Xét thấy tại phiên Tòa; ông T và G thống nhất bà còn nợ ông T số tiền còn lại sau khi khấu trừ vào số tiền qua các lần bà đã trả cho ông T là: 712.729.167đồng (bảy trăm mười hai triệu bảy trăm hai mươi chín ngàn một trăm sáu mươi bảy đồng). Tuy nhiên, phía ông T yêu cầu trả đủ một lần, bà G xin trả dần, các bên không thỏa thuận được cách trả và số tiền án phí, nên Hội đồng xét xử không thể ra quyết định cộng nhận sự thỏa thuận của các bên được mà vẫn phải xét xử theo quy định.

[4] Xét về lãi suất: Trong 02 biên nhận nợ đề ngày 01/02/2019 và 10/5/2019 không có thỏa thuận về lãi suất, ông T cũng không cung cấp được chứng cứ nào có thỏa thuận về phần lãi suất là 1,667%/1 tháng. Tuy nhiên, tại phiên Tòa, bà G đồng ý với mức lãi suất mà ông đưa ra là 1,667%/1 tháng; nên Hội đồng xét xử không điều chỉnh lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 là 0.83%/tháng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Hằng G trả cho ông Ngô Thành T số tiền vốn, lãi còn nợ lại là: 712.729.167đồng.

Buộc ông Ngô Thành T có nghĩa vụ trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CN352665, thửa đất số 238, tờ bản đồ số 23, diện tích 174,9m^2 đất trồng cây lâu năm, đất tại khóm 2, phường TP, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long cho ông Nguyễn Minh T, bà Lê Thị Hằng G.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Lê Thị Hằng G chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 35.636.000đồng.

- Ông Ngô Thành T không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả lại ông số tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng là: 16.647.000đồng, theo biên lai thu số 0010674, ngày 03/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463; 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; 93; 147; khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 26; 27 của Nghị Quyết số

326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Thành T với bị đơn bà Lê Thị Hằng G.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông Ngô Thành T với bà Lê Thị Hằng G như sau: Bà Lê Thị Hằng G đồng ý trả tiền vốn, lãi cho ông Ngô Thành T với tổng số tiền là: 712.729.000đồng (bảy trăm mười hai triệu bảy trăm hai mươi chín ngàn đồng).

Trong đó vốn vay vào ngày 01/02/2019 là 500.000.000đồng, lãi tính từ ngày 01/02/2019 đến ngày 24/5/2022 bằng 39 tháng 23 ngày được tính như sau: 500.000.000đ x 39 tháng 23 ngày x 1,667% = 331.455.167đ – 118.726.000đ là tiền lãi đã đóng = 212.729.167đ).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Thành T đối với phần yêu cầu bà G trả tiền vốn 60.000.000đồng theo biên nhận nợ ngày 10/5/2019 và yêu cầu tính lãi suất đến ngày 24/5/2022.

Buộc ông Ngô Thành T trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 238, tờ bản đồ số 23, diện tích 174,9m^2, đất tại khóm 2, phường VC, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long, cho ông Nguyễn Minh T, bà Lê Thị Hằng G.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi suất chậm thi hành án, tương ứng với thời gian chưa hành án theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Lê Thị Hằng G chịu số tiền án phí sơ thẩm là: 35.636.000đồng (ba mươi năm triệu sáu trăm ba mươi sáu ngàn đồng). Ông Ngô Thành T không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả lại ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng là: 16.647.000đồng (mười sáu triệu sáu trăm bốn mươi bảy ngàn đồng), theo biên lai thu số 0010674, ngày 03/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Quyền kháng cáo: Án xử công khai các đương sự có mặt tại phiên Tòa được

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL: 01;
- VKSND TXBM: 01;
- Chi cục THADS TXBM: 01;
- Đương sự: 04;
- Lưu: 08.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Trương Minh Thiết